

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 04/2025/DSST

Ngày: 28/8/2025.

(V/v “Chia tài sản chung”

Lừa – Huỳnh, Vân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thoa.

Ông Hoàng Ngọc Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cúc Phương - Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - KSV.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST - DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc “*Yêu cầu chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1985.

Trú tại: Khu phố B, thị trấn C, huyện G, Quảng Trị. Nay là khu phố B, xã C, Quảng Trị. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1981.

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981.

Đều trú tại: Khu phố D, thị trấn C, huyện G, Quảng Trị. Nay là khu phố D, xã C, Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1978.

Trú tại: Khu phố B, thị trấn C, huyện G, Quảng Trị. Nay là khu phố B, xã C, Quảng Trị. Có mặt

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972.

+ Bà Lê Thị L1, sinh năm 1976.

Đều trú tại: Khu phố B, thị trấn C, huyện G, Quảng Trị. Nay là khu phố B, xã C, Quảng Trị. Đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06/11/2020, bà Hồ Thị L với bà Bùi Thị H1 và vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ái V có thỏa thuận với nhau góp tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số: 648, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị, diện tích 700 m². Số tiền góp 800.000.000 đồng (*T trăm triệu đồng*). Trong đó: Bà L và bà H1 mỗi người góp 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V góp 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thỏa thuận giao số tiền trên cho ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V để chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Trường hợp ông H, bà V sử dụng số tiền trên vào mục đích khác thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Các bên thống nhất giao cho ông H và bà V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 648, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Sau khi nhận chuyển nhượng ông H và bà V *‘không được chuyển nhượng góp vốn, tặng cho, cầm cố, thế chấp... Giấy chứng nhận thửa đất nêu trên khi chưa được sự đồng ý của bà H1 và bà L. Số tiền góp vào chuyển nhượng thửa đất tương đương với giá trị được hưởng của các bên. Nếu sau này thực hiện việc chuyển nhượng lại thửa đất trên cho người khác hoặc một trong các bên có nhu cầu sử dụng thửa đất trên’*.

Ngày 02/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V, vợ chồng ông Huỳnh bà V1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Đến năm 2022 vợ chồng ông H, bà V1 đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị khi chưa được sự đồng ý của bà L và bà H1. Việc ông H, bà V1 giao giấy chứng nhận trên cho vợ chồng P, L1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận. Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V. Giá trị thửa đất 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà L có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng, định đoạt thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị, diện tích 700m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V, bà L có nghĩa vụ trả tiền cho ông H, bà V, bà H1 với số tiền tương đương số tiền góp theo giá trị đất hiện tại và yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V cho ông H bà V. Tại phiên hòa giải ngày 24/4/2025 và tại phiên tòa hôm nay bà L đồng ý giá trị của thửa đất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thửa đất có giá trị 348.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) và đồng ý với yêu cầu của bà H1, đề nghị Tòa án giao cho bà H1 và bà L đồng sở hữu thửa đất trên, bà L và bà H1 trả lại cho ông H bà V số tiền theo tỷ lệ % mà vợ chồng ông Huỳnh bà V1 đã góp vốn theo giá trị thửa đất hiện nay là 348.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) đồng. Các chi phí tố tụng bà L thuận chịu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ái V và ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, đã đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L chia tài sản chung là thửa đất số 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp

ngày 02/12/2020 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V và đồng ý kết quả định giá của Hội đồng định giá thửa đất trên là 348.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) đồng và có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 trình bày: Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V và giá trị thửa đất theo Hội đồng định giá 348.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) đồng, bà cũng có nguyện vọng cùng với bà L sở hữu chung thửa đất trên, bà L và bà H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông H bà V số tiền theo tỷ lệ ông Huỳnh bà V1 đã góp vốn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 trình bày: Vợ chồng ông Huỳnh bà V1 vay ông P và bà L1 3.700.000.000 (Ba tỷ bảy trăm triệu) đồng, do ông Huỳnh bà V1 vay ông bà số tiền trên nên vợ chồng ông Huỳnh bà V1 mới giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do UBND huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V cho ông P và bà L1 giữ, ông P và bà L1 không biết thửa đất trên là tài sản chung của bà L, bà H1 và vợ chồng ông H, bà V, nay bà L yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên cho vợ chồng ông H, ông P và bà L1 không đồng ý, khi nào ông Huỳnh bà V1 trả lại tiền cho ông P và bà L1, thì ông P và bà L1 sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông H bà V1.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Quảng Trị tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: căn cứ vào Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228; 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 208, 209, 210 Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giao cho bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1 quyền sử dụng thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V.

Bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong đó bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Huỳnh bà V1 21.175.000 (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà V1 21.175.000 (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 có nghĩa trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Ái V cho anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Ái V.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V sang cho bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị L phải chịu 7.612.500 (Bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng án phí DSST.

Chị Bùi Thị H1 phải chịu 7.612.500 (Bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V phải chịu 2.175.000 (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn thuận chịu nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Hồ Thị L yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V nên quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu chia tài sản chung”. Thửa đất yêu cầu chia ở tại Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị, nay là Tòa án nhân dân khu vực 8, Quảng Trị theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V vắng mặt có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Hồ Thị L, bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Ái V và ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 đều thừa nhận ngày 06/11/2020, bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ái V và bà Bùi Thị H1 có lập biên bản thỏa thuận với nội dung góp tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 648, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị, diện tích 700 m². Số tiền góp: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Trong đó bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1 mỗi người góp 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V góp 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Bà L và bà H1 giao số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng cho ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi góp tiền ông H và bà V đã làm các thủ tục nhận chuyển nhượng thửa đất như thỏa thuận. Ngày 02/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V đối với thửa đất số 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị, diện tích 700 m². Như vậy, xác định thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V là tài sản chung do các bên góp vốn theo thỏa thuận ngày 06/11/2020 gồm bà L, bà H1, vợ chồng ông H và bà V. Về giá trị thửa đất: Các bên đồng ý trị giá thửa đất theo Hội đồng định giá là 348.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) đồng và đề nghị chia tài sản (Thửa đất) theo tỷ lệ góp vốn. Xét thấy bà L và bà H1 đều có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ thửa đất 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V và thanh toán lại cho vợ chồng ông H, bà V số tiền tương ứng với tỷ lệ góp vốn, ông H và bà V đồng ý nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L và bà H1.

Căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá các đương sự đã thống nhất; Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại văn bản ngày 06/11/2020 ... *Số tiền góp vào chuyển nhượng thửa đất tương với giá trị được hưởng của các bên, nếu sau này thực hiện việc chuyển nhượng lại thửa đất trên cho người khác hoặc một trong các bên góp tiền có nhu cầu chia tài sản chung.* Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất có giá trị 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, bà L và bà H1 mỗi người góp 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng tương đương mỗi người góp 43,75%, vợ chồng bà V và ông Huỳnh G 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tương đương 12,5%. Hiện nay thửa đất có giá trị 348.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) đồng, chia theo tỷ lệ góp vốn, bà H1 và bà L mỗi người được hưởng 152.250.000 (Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, vợ chồng ông H và bà V được hưởng 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với việc ông H và bà V giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà

Nguyễn Thị Ái V cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 cất giữ để vay tiền của ông P và bà L1. HĐXX thấy rằng: vợ chồng ông H, bà V thừa nhận khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà L1 giữ bà L và bà H1 không biết. Căn cứ vào thỏa thuận ngày 06/11/2020 ‘Sau khi nhận chuyển nhượng ông H và bà V không được chuyển nhượng góp vốn, tặng cho, cầm cố, thế chấp... Giấy chứng nhận thừa đất nêu trên khi chưa được sự đồng ý của chị H1 và chị L’ việc vợ chồng bà V, ông H tự ý giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung cho ông P và bà L1 giữ là hoàn toàn trái với thỏa thuận của các bên, bà L yêu cầu ông P và bà L1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Ái V là có căn cứ

Đối với yêu cầu của ông P và bà L1 cho rằng vợ chồng ông Huỳnh B vay ông bà 3.700.000.000 (Ba tỷ bảy trăm triệu) đồng nên ông H với bà V mới giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00181 do UBND huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên anh H chị V cho ông P và bà L1 giữ, khi nào ông H và bà V trả tiền thì ông P và bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà V, ông H. Xét thấy đây là một giao dịch dân sự khác sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu không liên quan đến thỏa thuận của bà L, bà H1, vợ chồng ông H và bà V. Vì vậy buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V cho ông H và bà V.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Lụa T1 chịu 7.238.000 (Bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản. Bà L đã nộp đủ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng. Ông P và bà L1 phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V cho ông H và bà V nên phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ Điều 208, Điều 209, Điều 210 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giao cho bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1 được quyền sử dụng chung thửa đất số: 648, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện V (Nay xã C) tỉnh Quảng Trị theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V.

Bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V số tiền 43.500.000 (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong đó bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H, bà V số tiền 21.175.000 (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H bà V số tiền 21.175.000 (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V cho ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 988722 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02/12/2020 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V sang cho bà Hồ Thị L và bà Bùi Thị H1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị L phải chịu 7.612.500 (Bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng án phí DSST. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000482 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Linh. Bà L còn phải chịu 3.862.500 đồng án phí DSST.

Bà Bùi Thị H1 phải chịu 7.612.500 (Bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ái V liên đới chịu 2.175.000 (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí DSST.

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Hồ Thị L chịu 7.238.000 (Bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Bà L đã nộp đủ.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ /.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh QTrị;

- VKS khu vực 8;
- PTHADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Văn Chung